

Số: 17/QĐ-UBND

An Lão, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân xã An Lão

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN LÃO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO xã An Lão,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước của Ủy ban nhân dân xã An Lão.

(Văn bản mô tả phạm vi áp dụng theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Ban chỉ đạo ISO có trách nhiệm phổ biến, đôn đốc, theo dõi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo các tài liệu đã ban hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban chỉ đạo ISO và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đinh Thành Đồng

PHỤ LỤC
VĂN BẢN MÔ TẢ PHẠM VI ÁP DỤNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /QĐ -UBND ngày 12 tháng 01 năm 2026
của Ủy ban nhân dân xã An Lão)*

1. Cơ quan áp dụng: Ủy ban nhân dân xã An Lão

2. Các bộ phận chuyên môn áp dụng:

- Văn phòng
- Văn hoá - xã hội
- Kinh tế

3. Địa điểm áp dụng: Ủy ban nhân dân xã An Lão

4. Phạm vi áp dụng:

STT	Mã TTHC	Tên quy trình	Số quyết định, ngày tháng năm, trích yếu nội dung quyết định công bố, chuẩn hóa, sửa đổi, bổ sung TTHC của UBND thành phố Hải Phòng	Mã số
I. QUY TRÌNH HỆ THỐNG THEO YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN				
1		Mô hình hệ thống quản lý chất lượng		QT.01
2		Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản		QT.02
3		Quy trình đánh giá nội bộ		QT.03
4		Quy trình kiểm sự không phù hợp và hành động khắc phục, cải tiến		QT.04
5		Quy trình nhận diện bối cảnh hoạt động, xác định rủi ro, cơ hội và thực hiện giải quyết		QT.05
6		Quy trình họp xem xét của lãnh đạo		QT.MC.01
7		Quy trình tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính		QT.TTHC.01
8		Quy trình trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính		QT.TTHC.02

II. QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ CỦA CÁC LĨNH VỰC				
1. Lĩnh vực Hộ tịch (37 lĩnh vực)				
1.	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố v/v công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.	QT.HT.25
2.	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn		QT.HT.33
3.	1.001022	Thủ tục đăng ký, nhận cha, mẹ, con		QT.HT.31
4.	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con		QT.HT.35
5.	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động		QT.HT.37
6.	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử		QT.HT.36
7.	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động		QT.HT.14
8.	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động		QT.HT.38
9.	1.004837	Đăng ký giám hộ		QT.HT.10
10.	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ		QT.HT.09
11.	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ		QT.HT.01
12.	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ		QT.HT.02

13.	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố v/v công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.	QT.HT.08
14.	1.004873	Thủ tục Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		QT.HT.07
15.	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh		QT.HT.06
16.	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ giấy tờ cá nhân		QT.HT.12
17.	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn		QT.HT.13
18.	1.005461	Thủ tục đăng ký lại khai tử		QT.HT.05
19.	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài		QT.HT.28
20.	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài		QT.HT.17
21.	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài		QT.HT.18
22.	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		QT.HT.19
23.	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		QT.HT.20
24.	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài		QT.HT.21
25.	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài		QT.HT.22

26.	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố v/v công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.	QT.HT.23
27.	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		QT.HT.04
28.	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		QT.HT.26
29.	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi, khai tử; thay đổi hộ tịch)		QT.HT.27
30.	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài		QT.HT.29
31.	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		QT.HT.34
32.	2.00513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài		QT.HT.30
33.	2.00497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài		QT.HT.32

34.	2.002621	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố v/v công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.	QT.HT.15
35.	2.002622	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất		QT.HT.16
36.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch		QT.HT.03
37.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch		QT.HT.24
2. Lĩnh vực Chứng thực (12 TTHC)				
38.	2.001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố v/v công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.	QT.CT.02
39.	2.001019	Thủ tục chứng thực di chúc		QT.CT.03
40.	2.001016	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		QT.CT.04
41.	2.001406	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		QT.CT.01
42.	2.001008	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của UBND xã		QT.CT.05
43.	2.000992	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của UBND xã		QT.CT.06

44.	2.000913	Thủ tục chứng thực việc sử đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố v/v công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.	QT.CT.09
45.	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		QT.CT.08
46.	2.000942	Thủ tục cấp bản sao từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		QT.CT.07
47.	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ bản gốc		QT.CT.10
48.	2.000815	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		QT.CT.12
49.	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)		QT.CT.11
3. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (5 TTHC)				
50.	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố v/v công bố Danh mục	QT.NCN.01
51.	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước		QT.NCN.02
52.	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi		QT.NCN.03

53.	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.	QT.NCN.04
54.	2.002349	Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi		QT.NCN.05
4. Lĩnh vực Hòa giải cơ sở (Phổ biến giáo dục pháp luật) - 5 TTHC				
55.	2.000424	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố v/v công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.	QT.GDPL.05
56.	2.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)		QT.GDPL.02
57.	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)		QT.GDPL.03
58.	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)		QT.GDPL.04
59.	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên		QT.GDPL.01
5. Lĩnh vực Bồi thường Nhà nước (01 TTHC)				
60.	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố v/v công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.	QT.BTNN.01
6. Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo (02 TTHC)				

61.	2.002409	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (chuẩn hóa) thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Thanh tra Thành phố	QT.KNTC.01
62.	2.002396	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Quyết định số 618/QĐ-TTTP ngày 17/7/2025 của Thanh tra thành phố v/v ban hành các quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực quản lý của ngành thanh tra trên địa bàn thành phố	QT.KNTC.02
7. Lĩnh vực Tiếp công dân (01 TTHC)				
63.	1.010945	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (chuẩn hóa) thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Thanh tra Thành phố Quyết định số 618/QĐ-TTTP ngày 17/7/2025 của Thanh tra thành phố v/v ban hành các quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực quản lý của ngành thanh tra trên địa bàn thành phố	QT.KNTC.03
8. Lĩnh vực Xử lý đơn thư (01 TTHC)				
64.	2.002501	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Quyết định số 2859/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (chuẩn hóa) thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Thanh tra Thành phố	KNTC

			Quyết định số 618/QĐ-TTTP ngày 17/7/2025 của Thanh tra thành phố v/v ban hành các quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực quản lý của ngành thanh tra trên địa bàn thành phố	
9. Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp (07 TTHC)				
65.	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính.	QT.HKD.01
66.	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh		QT.HKD.02
67.	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh		QT.HKD.04
68.	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh		QT.HKD.05
69.	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh		QT.HKD.06
70.	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh		QT.HKD.07
11. Lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (29 TTHC)				
71.	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.	Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính	QT.THHTX.01
72.	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.		QT.THHTX.02

73.	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Quyết định số 3405/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính	QT.THHTX.03
74.	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy		QT.THHTX.04
75.	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;		QT.THHTX.05
76.	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác		QT.THHTX.06
77.	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính Quyết định số 3405/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp	QT.THHTX.07
78.	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác		QT.THHTX.08
79.	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		QT.THHTX.09
80.	2.002644	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác		QT.THHTX.10
81.	2.002645	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		QT.THHTX.11
82.	2.002646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài		QT.THHTX.12
83.	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		QT.THHTX.13
84.	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		QT.THHTX.14
85.	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		QT.THHTX.15

86.	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính	QT.THHTX.16
87.	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh		QT.THHTX.17
88.	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập		QT.THHTX.18
89.	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		QT.THHTX.19
90.	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính Quyết định số 3405/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính	QT.THHTX.20
91.	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		QT.THHTX.21
92.	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		QT.THHTX.22
93.	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		QT.THHTX.23
94.	2.001973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		QT.THHTX.24
95.	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		QT.THHTX.25
96.	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		QT.THHTX.26

97.	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		QT.THHTX.29
98.	2.002226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính	QT.THHTX.27
99.	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác		QT.THHTX.28
12. Lĩnh vực Thuế, Phí, Lệ phí (02 TTHC)				
100	1.008603	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính	
101	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải		
13. Lĩnh vực Quản lý công sản (04 TTHC)				
102	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính	
103	3.000325	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản KCHT thủy lợi (đối với tài sản KCHT thủy lợi do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc UBND TP quản lý)		
104	3.000326	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại		
105	3.000327	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi		
14. Lĩnh vực Tài chính đất đai (03 TTHC)				
106	1.012994	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư		

107	1.012995	Thủ tục Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính	
108	1.012996	Thủ tục Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ		
15. Lĩnh vực Bảo hiểm (01 TTHC)				
109	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính	
16. Lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn (05 TTHC)				
110	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng	
111	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập		
112	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập		
113	1.014158	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập		
114	1.014159	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn		

17. Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy (25 TTHC)				
115	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng. Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND thành phố về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	QT.HHĐT.01
116	1.004047	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa		QT.HHĐT.02
117	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa		QT.HHĐT.03
118	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật		QT.HHĐT.04
119	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện		QT.HHĐT.05
120	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện		QT.HHĐT.06
121	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác		QT.HHĐT.07
122	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện		QT.HHĐT.08
123	2.001659	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện		QT.HHĐT.09
124	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa		QT.HHĐT.10
125	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa		QT.HHĐT.11

126	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng. Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND thành phố về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	QT.HHĐT.12
127	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu		QT.HHĐT.13
128	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		QT.HHĐT.14
129	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		QT.HHĐT.15
130	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		QT.HHĐT.16
131	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		QT.HHĐT.17
132	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		QT.HHĐT.18
133	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa		QT.HHĐT.19
134	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính		QT.HHĐT.20
135	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa		QT.HHĐT.21
136	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục	QT.HHĐT.22
137	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa		QT.HHĐT.23

138	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng. Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND thành phố về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	QT.HHĐT.24
139	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải		QT.HHĐT.25
18. Lĩnh vực Đường bộ (04 TTHC)				
140	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng. Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND thành phố về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	QT.ĐB.01
141	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác		QT.ĐB.02
142	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bán xích lưu hành trên đường bộ		QT.ĐB.03
143	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác		QT.ĐB.04
19. Lĩnh vực hoạt động Xây dựng (08 TTHC)				
144	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong		QT.XD.01

		đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
145	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng. Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND thành phố về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	QT.XD.02
146	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		QT.XD.03
147	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1		QT.XD.04
148	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		QT.XD.05
149	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		QT.XD.06
			Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp	

150	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng.	QT.XD.07
151	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND thành phố về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	QT.XD.08
20. Lĩnh vực Nhà ở (01 TTHC)				
152	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND thành phố về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	QT.NO.01
21. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước (9 TTHC)				
153	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương.	QT.LTHHTN.01
154	2.001240	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu		QT.LTHHTN.02
155	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu		QT.LTHHTN.03
156	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Quyết định số 3508/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục	QT.LTHHTN.04

157	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương. Quyết định số 4200/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND thành phố v/v công bố DM TTHC và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương	QT.LTHHTN.05
158	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		QT.LTHHTN.06
159	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		QT.LTHHTN.07
160	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		QT.LTHHTN.08
161	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		QT.LTHHTN.09
22. Lĩnh vực Kinh doanh khí (3 TTHC)				
162	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương. Quyết định số 3508/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương	QT.KDK.01
163	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai chính		QT.KDK.02
164	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai		QT.KDK.03
23. Lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý (02 TTHC)				
165	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý		QT.TSKCHT.01

166	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Quyết định số 3508/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương	QT.TSKCHT.02
24. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương (01 TTHC)				
167	2.002096	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương. Quyết định số 3508/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương	QT.CNĐP.01
26. Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (01 TTHC)				
168	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.ĐDSH.01

27. Lĩnh vực Môi trường (01 TTHC)				
169	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.MT.01
28. Lĩnh vực Tài nguyên nước (01 TTHC)				
170	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.TNN.01
29. Lĩnh vực Nông nghiệp (01 TTHC)				
171	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã).	Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.TNN.01
30. Lĩnh vực Thủy sản (03 TTHC)				
172	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ	QT.TSKN.02

			điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường	
173	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.TSKN.03
174	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)		QT.TSKN.01
31. Lĩnh vực Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai (02 TTHC)				
175	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.PCTT.01
176	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.		QT.PCTT.02
32. Lĩnh vực Thủy lợi (07 TTHC)				
177	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)		QT.TL.03
178	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		QT.TL.06

179	2.001627	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.TL.02
180	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã		QT.TL.04
181	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã		QT.TL.07
182	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp		QT.TL.01
183	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.		QT.TL.05
33. Lĩnh vực Đất đai (14 TTHC)				
184	1.012812	Hoà giải tranh chấp đất đai	Quyết định số 3266/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu, đất đai, đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.LVĐĐ.01
185	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004		QT.LVĐĐ.02
186	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi		QT.LVĐĐ.03
187	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót		QT.LVĐĐ.04
188	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất		QT.LVĐĐ.05
189	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận		QT.LVĐĐ.12

190	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Quyết định số 3642/QĐ-UBND ngày 06/9/2025 của UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản, đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.LVĐĐ.14
191	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất		QT.LVĐĐ.06
192	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất		QT.LVĐĐ.07
193	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Quyết định số 3642/QĐ-UBND ngày 06/9/2025 của UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, chuẩn hóa lĩnh vực địa chất và khoáng sản, đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.LVĐĐ.08
194	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa		QT.LVĐĐ.09
195	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có	Quyết định số 3266/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu, đất đai, đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.LVĐĐ.10

		điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Quyết định số 3266/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu, đất đai, đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường	
196	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		QT.LVĐĐ.11
197	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích		QT.LVĐĐ.13
34. Lĩnh vực Ứng phó sự cố tràn dầu (01 TTHC)				
198	1.013128	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển	Quyết định số 3266/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu, đất đai, đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.SCTD.01
35. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn (01 TTHC)				
199	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết	Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.PTNT.01
36. Lĩnh vực Chăn nuôi (02 TTHC)				

200	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.CNTY.02
201	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitor lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		QT.CNTY.01
37. Lĩnh vực Thú y (01 TTHC)				
202	1.013997	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.CNTY.03
38. Lĩnh vực Kiểm lâm (02 TTHC)				
203	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.KL.01
204	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng		QT.KL.02
39. Lĩnh vực Lâm nghiệp (06 TTHC)				

205	1.01292 2	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường	QT.LN.02
206	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân		QT.LN.03
207	1.011471	Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã		QT.LN.04
208	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái		QT.LN.05
209	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công		QT.LN.01
40. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (10 TTHC)				
210	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực BTXH trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	QT.BTXH.08
211	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật		QT.BTXH.06
212	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội.		QT.BTXH.09
213	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội		QT.BTXH.03
214	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng		QT.BTXH.10
215	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội		QT.BTXH.05
216	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.		QT.BTXH.07

217	1.014027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực An toàn thực phẩm, Phòng bệnh và Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế	QT.BTXH.01
218	1.014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội		QT.BTXH.02
219	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế	Một phần
220	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm		Một phần
221	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm		Một phần
41. Lĩnh vực Trẻ em (06 TTHC)				
222	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế	QT.TE.01
223	1.004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		QT.TE.02
224	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		QT.TE.03
225	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em		QT.TE.04
226	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em		QT.TE.05

227	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế		QT.TE.06
42. Lĩnh vực Cơ sở giáo dục khác (06 TTHC)				
228	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo	QT.CSGDK.01
229	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập		QT.GDMN.01
230	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.	QT.GDMN.05
231	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo	QT.GDMN.02
232	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)		QT.GDMN.03
233	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.	QT.CSGDK.02

43. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (14 TTHC)				
234	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách	Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.	QT.GDQD.01
235	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục		QT.GDQD.02
236	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo		QT.GDQD.03
237	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp		QT.GDQD.04
238	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp		QT.GDQD.05
239	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.	QT.GDQD.06
240	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người		QT.GDQD.07
241	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.	QT.GDQD.09
242	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		QT.GDQD.10
243	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		QT.GDQD.11
244	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia		QT.GDQD.13

245	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia		QT.GDQD.14
44. Lĩnh vực Giáo dục trung học (11 TTHC)				
246	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.	QT.THCS.01
247	1.005108	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở		Toàn trình
248	2.001904	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở		Toàn trình
249	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở		Toàn trình
250	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở		QT.THCS.02
251	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.	QT.THCS.03
252	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại		Một phần
253	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở		QT.THCS.04
254	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)		QT.THCS.05
255	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước.		Toàn trình
256	2.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài		Một phần

45. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp (02 TTHC)				
257	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo	Toàn trình
258	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh		QT.GDNN.02
46. Lĩnh vực Giáo dục Mầm non (05 TTHC)				
259	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.	QT.GDMN.04
260	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục		QT.GDMN.05
261	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại		Một phần
262	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ		QT.GDMN.06
263	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)		QT.GDMN.07
47. Lĩnh vực Giáo dục Tiểu học (06 TTHC)				
264	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục	QT.GDTH.02
265	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục		QT.GDTH.01

266	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo. Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.	Một phần
267	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học		QT.GDTH.02
268	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)		QT.GDTH.01
269	1.005099	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học		Toàn trình
48. Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên (04 TTHC)				
270	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo	QT.GDTH.01
271	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại		Một phần
272	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng		QT.GDTH.02
273	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)		QT.GDTH.03
49. Lĩnh vực Người có công (26 TTHC)				
274	1.010833	Cấp giấy xác nhận nhân thân của người có công	Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ	QT.NCC.16
275	1.013749	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân,		QT.NCC.06

		cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Quyết định số 12504/QĐ-SNV ngày 17/7/2025 về việc ban hành quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công trên địa bàn thành phố Hải Phòng	
276	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Quyết định số 12504/QĐ-SNV ngày 17/7/2025 về việc ban hành quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công trên địa bàn thành phố Hải Phòng	QT.NCC.19
277	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.		QT.NCC.14
278	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”		QT.NCC.22
279	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Quyết định số 12504/QĐ-SNV ngày 17/7/2025 về việc ban hành quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công trên địa bàn thành phố Hải Phòng	QT.NCC.03
280	1.010812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý		QT.NCC.08
281	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ		QT.NCC.17
282	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Quyết định số 12504/QĐ-SNV ngày 17/7/2025 về việc ban hành quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công trên địa bàn thành phố Hải Phòng	QT.NCC.18
283	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		QT.NCC.05
284	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế		QT.NCC.15
285	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.		QT.NCC.02

286	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Quyết định số 12504/QĐ-SNV ngày 17/7/2025 về việc ban hành quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công trên địa bàn thành phố Hải Phòng	QT.NCC.01
287	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần		QT.NCC.13
288	1.010825	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ		QT.NCC.04
289	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		QT.NCC.10
290	1.010810	Thủ tục công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an		QT.NCC.23
291	2.001396	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Quyết định số 12504/QĐ-SNV ngày 17/7/2025 về việc ban hành quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công trên địa bàn thành phố Hải Phòng Quyết định số 12504/QĐ-SNV ngày 17/7/2025 của UBND thành phố về việc ban hành quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công trên địa bàn thành phố Hải Phòng	QT.NCC.11
292	1.001257	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ		QT.NCC.09

		trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quyết định số 3912/QĐ-SNV ngày 29/9/2025 của UBND thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực người có công thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ	
293	2.002307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh		QT.NCC.29
294	2.002308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp		QT.NCC.12
295	1.013750	Thăm viếng mộ liệt sĩ.		QT.NCC.07
296	1.010818	Thủ tục công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày		QT.NCC.24
297	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý		QT.NCC.25
298	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		QT.NCC.27
50. Lĩnh vực Việc làm (02 TTHC)				
299	1.013724	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ	QT.VL.01
300	1.013725	Thủ tục Vay vốn hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	Quyết định số 3378/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục	QT.VL.02

			thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ	
51. Lĩnh vực Dân tộc và Tôn giáo (11 TTHC)				
301	1.012582	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ	QT.DTTG.01
302	1.012584	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã		QT.DTTG.02
303	1.012585	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung		QT.DTTG.03
304	1.012590	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung		QT.DTTG.04
305	1.012592	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)		QT.DTTG.05
306	1.012591	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)		QT.DTTG.06
307	1.013796	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ.	QT.DTTG.07
308	1.013797	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã		QT.DTTG.08
309	1.012222	Công nhận người có uy tín		QT.DTTG.10
310	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục	QT.DTTG.11

			thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ.	
53. Lĩnh vực Quản lý nhà nước về hội, quỹ (15 TTHC)				
311	1.012939	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ.	QT.QLNN.HQ.05
312	1.012940	Thủ tục thành lập hội		QT.QLNN.HQ.10
313	1.012949	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội		QT.QLNN.HQ.01
314	1.012941	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội		QT.QLNN.HQ.13
315	1.012950	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội		QT.QLNN.HQ.11
316	1.012951	Thủ tục hội tự giải thể		QT.QLNN.HQ.08
317	1.012952	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn		QT.QLNN.HQ.03
318	1.013024	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ		QT.QLNN.HQ.02
319	1.013025	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ		QT.QLNN.HQ.07
320	1.013026	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ		QT.QLNN.HQ.06
321	1.013028	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục	QT.QLNN.HQ.04

322	1.013029	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ.	QT.QLNN.HQ.09
323	1.013030	Thủ tục quỹ tự giải thể		QT.QLNN.HQ.12
54. Lĩnh vực Văn hóa (02 TTHC)				
324	1.013791	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	QT.VH.01
325	1.003622	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã		QT.VH.02
55. Lĩnh vực Gia đình (02 TTHC)				
326	1.012084	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	QT.GĐ.01
327	1.012085	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị		QT.GĐ.02
56. Lĩnh vực Thể dục thể thao (01 TTHC)				
328	2.000794	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	QT.TDĐT.01
57. Lĩnh vực Thông tin điện tử (04 TTHC)				
329	1.013792	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Quyết định số 3704/QĐ-UBND ngày 11/9/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp	QT.TTĐT.01
330	1.013793	Sửa đổi, bổ sung giấy 5 ngày làm việc Trung tâm phục vụ Không x - Nghị định số TT Mã TTHC Tên TTHC Thời hạn giải quyết Địa điểm thực hiện Phí, lệ phí Cung cấp dịch vụ công trực tuyến Căn cứ pháp lý Toàn trình Một phần chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng		QT.TTĐT.02

331	1.013794	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	QT.TTĐT.03
58. Lĩnh vực Di sản văn hoá (02 TTHC)				
332	1.014310	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Quyết định số 3817/QĐ-UBND ngày 20/9/2025 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục TTHC mới ban hành, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực Di sản văn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	QT.DSVH.01
333	1.014312	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú		QT.DSVH.02

TỔNG: 333 THỦ TỤC/58 LĨNH VỰC